Lạm phát
Những giải pháp cấp bách

TS. NGUYỄN ĐẠI LAI.

Kinh tế vĩ mô Việt Nam vào những năm đầu thập niên của thế kỷ 21 đang có xu hướng bị điều chỉnh bởi các xung lực bất lợi dần. Từ những kỳ vọng tuyệt vời cho công cuộc "ra biển lớn" đến những nỗ lực khá ngoạn mục từ phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm đến thu hút mạnh đầu tư nước ngoài. Vậy mà đến đầu năm 2007 này, chưa đầy 1 tuổi làm thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), kinh tế Việt Nam đang "một mình" đứng trước những thách thức rất lớn.

Lạm phát đã đạt con số "kỷ lục" sau 7 tháng so cùng kỳ 6 năm đầu thập kỷ 2000. Tiền gửi tiết kiệm của công chúng bắt đầu bị "lãi suất thực âm" - một cụm từ đã đi vào dĩ vãng hơn 10 năm qua. Tỷ giá gần như neo vào đồng tiền đang yếu thế dần (USD) nhưng vẫn không khuyến khích được xuất khẩu. Thâm hụt thương mại cũng đang xác lập "kỷ lục" trong 5 năm (đến tháng 7-2007 này là 22% và sẽ không dưới 26% trong năm 2007 so với bình quân dưới 20% trong 5 năm qua). Nhiều hàng rào "kỹ thuật" từ "bán phá giá" cá da trơn đến "thừa dư lượng độc tố" trong tôm xuất khẩu v.v... đã và đang được dựng lên nhằm chống hàng Việt Nam xâm nhập ở nước ngoài. Thị trường chứng khoán (TTCK) đi nhanh từ "sốt nóng sang sốt lạnh" và thu nhập khu vực người lao động nói chung, nông dân nói riêng vẫn quá thấp so với thành tựu tăng trưởng kinh tế. Thậm chí có vùng nằm ở trung tâm "vựa lúa" Đồng bằng Sông Hồng (ĐBSH) mà thu nhập bình quân không quá 1.500đ/ngày công lao động nếu chỉ canh tác thuần nông trên "mảnh ruộng" của mình.Về mục tiêu ổn định giá cả trong chính sách tiền tệ của một số nước và đối sách của Việt Nam trong việc chống lạm phát đã và đang bùng phát như hiện nay đầu tháng 8/2007 Kinh tế vĩ mô của Việt Nam vào những năm.

Đầu thập niên đầu tiên của thế kỷ 21 đang có xu hướng bị điều chỉnh bởi các xung lực bất lợi dần: Từ những kỳ vọng (vẫn còn nguyên giá trị, sẽ nói ở đoạn sau) tuyệt vời cho công cuộc ra biển lớn, đến những nỗ lực khá ngoạn mục về phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm, đến thu hút mạnh đầu tư FDI, ODA và gần đây là FLL (đầu tư gián tiếp nước ngoài)... Vậy mà đến những tháng đầu năm 2007 này – Chưa đầy 1 tuổi làm thành viên WTO, kinh tế Việt nam đang một mình đứng trước những thách thức rất lớn: Lạm phát đã đạt con số kỷlục sau 7 tháng so với cùng kỳ của 6 năm đầu thập kỷ 2000; Tiền gửi tiết kiệm của công chúng bắt đầu bị lãi suất thự câm – một cụm từ đã đi vào dĩ vãng hơn 10 năm qua; Tỷ giá gần như neo vào đồng tiền đang yếu thế dần (USD) nhưng vẫn không khuyến khích được xuất khẩu!... Thâm hụt thương mại cũng đang xác lập kỷ lục trong 5 năm (đến tháng 7/2007 này là 22% và sẽ không dưới 26% trong năm 2007 so với bình quân dưới 20% trong 5 năm qua); Nhiều hàng rào kỹthuật: từ bán phá giá cá da trơn đến thừa dư lượng độc tố trong tôm xuất khẩu v.v đã và đang được dựng lên chống hàng Việt nam xâm nhập ở nước ngoài; TTCK đi nhanh từ sốt nóng sangsốt lạnh; Thu nhập khu vực người lao động nói chung, nông dân nói riêng quá thấp so với các thành tựu tăng trưởng của nền kinh tế – Thậm chí có vùng nằm ở trung tâm vựa lúa ĐBSH mà thu nhập bình quân không quá 1.500đ/ngày công lao động nếu chỉ canh tác thuần nông trên mảnh ruộng của mình...!

Với trọng tâm "giải phẫu" con bệnh lạm phát và tìm giải pháp chữa trị, bài viết xin bỏ qua những vấn đề thuộc về thành tựu và triển vọng đầy hứa hẹn của nền kinh tế mà chỉ nhìn thẳng vào những mặt yếu kém chính trong Chính sách tiền tệ (CSTT) của Việt Nam nói riêng và những vấn đề liên quan tới xu hướng lạm phát tổng quát hiện nay.

NHÌN RA THẾ GIỚI

Trước hết, chúng ta có thể tham khảo những thay đổi trong CSTT của Mỹ, EU, Nhật Bản, Anh, Ấn Độ, Australia và vai trò Ngân hàng trung ương (NHTW) của các nước đối với 2 trong 4 chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng nhất của mỗi quốc gia là: ổn định giá cả và cân bằng cán cân thương mại, xét trong cùng thời gian đầu thế kỷ 21 để "bổ sung" tư duy liên quan chống lạm phát ở Việt Nam.

Đối với NHTW Mỹ (FED), trong chừng mực lạm phát chưa trở thành mối đe dọa thì CSTT tạm thời chú trọng vào tăng trưởng sản lượng (những năm đầu thập kỷ 2000 và nhất là sau vụ khủng bố 11-9-2001). Khi lạm phát có dấu hiệu tăng từ năm 2003, FED lập tức trở lại mục tiêu quan trọng nhất của CSTT là bảo vệ sự ổn định giá cả. Theo đó, lãi suất điều tiết của NHTW bắt đầu tăng liên tục từ 1% tại thời điểm giữa năm 2003 lên 2,7% năm 2004, rồi 3,6% năm 2006 và đến nay là 5,25%. Tuy đã rất cao, nhưng chưa có dấu hiệu khả quan nào để FED hạ lãi suất chủ chốt này trong những tháng tới. Chỉ khi giá dầu, giá cả hàng hóa có xu hướng giảm ổn định, không còn nguy cơ đe doạ lạm phát và chức năng vãn hồi sự suy yếu của đồng USD so với các đồng tiền của EU và châu Á như hiện nay được cởi bỏ. Thì khi đó, NHTW sẽ xem

xét việc hạ lãi suất để kích hoạt cho nền kinh tế đang tìm cách thoát ra khỏi khủng hoảng cầm cố bất động sản bị đóng băng thời gian qua và đang gây tác động lan truyền cho nền kinh tế Mỹ rơi vào tình trạng khá ảm đạm như hiện nay.

Đối với "liên minh tiền tệ châu Âu (EU)" mà đứng mũi chịu sào là NHTW EU (ECB), do "vùng phủ sóng" của đồng tiền chung bao quát nhiều quốc gia nên ECB chọn CSTT lạm phát mục tiêu là duy nhất. Theo đó, ECB cam kết chỉ cho phép giá cả giao động trong phạm vi lạm phát 2% (trong dài hạn) và buộc các nước tuân thủ qui định không được thâm hụt cán cân NSNN quá 3% GDP ở từng nước. Cam kết này được tôn trọng gần 10 năm qua. Tại thời điểm đầu tháng 8-2007, tỷ giá EURO/USD đã chạm con số 1,4 = 22.330/16.167 (tính chéo theo VND ngày 8-8-2007).

Về CSTT của NHTW Nhật Bản (BoJ), trước cú "big bang" làm vỡ bong bóng của TTCK và thị trường bất động sản (BĐS) những năm 90 của thế kỷ trước đã khiến nền kinh tế Nhật suy thoái tới hơn 10 năm. CSTT của Nhật phải liên tục nới lỏng và thậm chí duy trì chính sách "lãi suất Zero" trong nhiều năm để kích thích tăng trưởng không bị đe doạ bởi lạm phát. Tuy nhiên, khi có dấu hiệu giảm sức mua đối nội của đồng JPY làm cho chỉ số giá cả tiêu dùng có xu hướng tăng thì BoJ đã tăng lãi suất điều tiết của NHTW lần đầu tiên sau gần 10 năm từ 0% lên 0,5% vào đầu năm 2007.

Tại Anh quốc, khi nền kinh tế có biểu hiện suy thoái và sức ép lạm phát không đe dọa sự ổn định giá cả thì NHTW Anh quốc (BoE) đã nới lỏng tiền tệ để kích cầu kinh tế. Chính sách này lập tức bị "thắt" lại khi xuất hiện nguy cơ lạm phát. Lãi suất cơ bản của BoE đã tăng từ 3,5%/năm từ tháng 10-2003 lên 5,5%/năm như hiện nay là minh chứng về thái độ rõ ràng của CSTT vì mục tiêu ổn định giá cả, khi mà lạm phát đến cuối năm 2006 ở Anh đã lên mức "kỷ lục" 2,3%/năm từ những mức dưới 2% của các năm trước đó.

Tại Ấn Độ, đến tháng 2-2007 lạm phát (so với cùng kỳ - 12 tháng) lên tới 6,7%. NHTW lập tức tăng lãi suất điều tiết thị trường lên đến 7,75%/năm (tháng 7-2007) và đồng thời tăng dự trữ bắt buộc trong cùng thời kỳ từ 6,5% lên 7%. Nhờ tác động trực tiếp trên, cuối tháng 7-2007, lạm phát Ấn Độ giảm xuống 4,5% so cùng kỳ. Theo Thống đốc NHTW Ấn Độ, ông Y.V.Reddy, mức lạm phát này vẫn còn rất cao và ông tuyên bố sẽ tiếp tục can thiệp thị trường tiền tệ để đến cuối năm nay phải đạt mức lạm phát phổ biến của các quốc gia phát triển (không quá 2%/năm).

Tại Australia, lạm phát 7 tháng đầu 2007 mới tăng ở mức 2,1% mà Thống Đốc NHTW, ông Glenn Stevens cùng cộng sự đã thực thi kế hoạch chống lạm phát bằng cách tăng lãi suất qua đêm từ 6,25% lên 6,5%. Lý do là tốc độ tăng tổng lượng hàng hóa bán lẻ tháng 6 so với tháng 5 chỉ ở mức 1,4%, trong khi tốc độ tăng tín dụng tiêu dùng cho dân cư và tín dụng cho công ty tăng tới 1,8% trong cùng thời kỳ.

Như vậy, với một NHTW nếu đủ quyền lực và có vị thế độc lập cao với Chính phủ thì việc chống lạm phát chủ yếu (nếu không muốn nói là duy nhất) phải thuộc về nghĩa vụ của NHTW đối với mỗi dân tộc hay thậm chí với liên minh các dân tộc (như trường hợp của ECB). Mặt khác, về mặt thiên chức thì phàm đã là một NHTW theo đúng nghĩa là Ngân hàng phát hành thì không thể không đóng vai trò chủ chốt và chịu trách nhiệm chính trước mỗi quốc gia về sự ổn định giá cả. Chỉ trong những điều kiện không bị áp lực đe doạ của nguy cơ lạm phát, NHTW mới xem xét việc nới lỏng CSTT để kích hoạt cho nền kinh tế.

(TTCK VN đến nay thực chất vẫn là thị trường cổ phiếu - là chứng khoán vốn, chứ không phải là CK nợ để đi vào sản xuất mà là đi vào tiêu dùng của các Công ty sau "IPO"...)

THỰC TRẠNG VIỆT NAM

Đấy là "chuyện" của nước ngoài. Với tình trạng Việt Nam hiện nay, khi mà lạm phát "đe doạ sẽ xác lập kỷ lục cao nhất kể từ đầu thế kỷ" thì xử lý ra sao?

Chính phủ có thể hỏi: Bộ Công Thương đâu?, Bộ Tài chính đâu?, NH Nhà nước đâu?, Bộ Kế hoạch & Đầu tư đâu?... Với cơ chế và "cấu trúc" hiện tại thì Chính phủ Việt Nam buộc phải hỏi tất cả các Bộ nói trên, thậm chí nhiều Bộ khác nữa (mà lẽ ra chỉ cần hỏi NHTW là đủ, cùng lắm chỉ tham khảo thêm Bộ Công thương!!!). Rõ ràng với cơ chế CSTT do Chính phủ xây dựng, việc quản lý đầu tư phát triển kinh tế (gồm thị trường tiền tệ, thị trường vốn) thì tất cả các Bộ đều quản - Đặc biệt khu vực đầu tư từ NSNN và đầu tư vào TTCK gần như là "lãnh địa" riêng của Bộ Tài chính. Các nguồn thu quốc gia bằng ngoại tệ (như từ dầu thô, khai khoáng, khai thác than, khai thác Biển, khai thác không gian...) hiện nằm rải rác khắp nơi, thậm chí giá trị tài nguyên quốc gia được "nhập" luôn với chi phí khai thác để cấu thành cơ chế "độc quyền" riêng của nhiều Tổng Công ty (TTCK VN đến nay thực chất vẫn là thị trường cổ phiếu - là chứng khoán vốn, chứ không phải là CK nợ để đi vào sản xuất mà là đi vào tiêu dùng của các Công ty sau "IPO"...). Các nhà đầu tư chứng khoán nước ngoài phải mua cổ phần doanh nghiệp Việt Nam bằng VND, vậy ai kiểm soát quá trình "nội tệ hóa" ngoại tệ trước khi các nhà đầu tư nước ngoài mua chứng khoán tại Việt Nam bằng VNĐ.

Trong lúc TTCK giảm thảm hại từ giữa tháng 3-2007, nhiều nhà đầu tư nước ngoài bán mạnh chứng khoán ra để "phục kích" hoặc mua vào "nhỏ giọt" làm mồi và hâm nóng TTCK thì số tiền đã được "nội tệ hoá" trước đó rút ra khỏi TTCK rồi đi đâu. Cũng tương tự như vậy, số tiền của nhà đầu tư trong nước rút ra khỏi TTCK thứ cấp thời gian thời gian qua thì đi đâu. Ai kiểm soát tốc độ tăng tổng lưu chuyển hàng hoá để so với tốc độ gia tăng tổng cầu (M2) của nền kinh tế. Đích thực số tiền đưa vào sản xuất ra

hàng hóa và dịch vụ so với toàn bộ số tiền đang ở trong lưu thông là bao nhiêu. Việc tính toán và điều hành cơ chế lượng tiền cung ứng vào lưu thông trong CSTT mà Chính phủ xây dựng liệu có phải là chỉ tiêu bí mật không? "Lõi" của vấn đề lạm phát luôn nằm ở chính lượng tiền nội tệ trong lưu thông "cộng" với tình trạng Đôla hóa nằm ngoài vòng kiểm soát. Chính vì vậy, "bài thuốc" đặc trị nhất chữa lạm phát bao giờ cũng là bài "**rút tiền từ lưu thông về NHTW**" để cân bằng với "cung" trên thị trường. Xin nhấn mạnh là "rút về NHTW" chứ không phải về Kho Bạc Nhà nước hay về tồn quĩ tiền mặt của các Ngân hàng thương mại (NHTM) để "nằm chơi" mà vẫn phải trả lãi, vừa không có chức năng điều tiết lượng tiền trong lưu thông, vừa tiềm ẩn bùng phát lạm phát bất cứ lúc nào.

Đương nhiên trong lúc "nước sôi lửa bỏng" thì nhiều quốc gia còn tính đến việc "tung" hàng hoá, dịch vụ tiêu dùng từ "mọi nẻo đường" vào thị trường để góp phần "cân bằng" lượng cầu đang cao trên mức cần thiết trong lưu thông. Những năm 1987 đến 1990, Việt Nam đã dùng cả hai "mũi giáp công" nói trên. Một mặt tăng mạnh lãi suất, tăng mạnh dự trữ bắt buộc (DTBB) và một mặt "cởi trói" cho sản xuất "bung ra" đồng thời giảm thuế nhập khẩu, chấp nhận nhập siêu hàng tiêu dùng từ mọi nơi trên thế giới. Bài học này tưởng còn nguyên giá trị lúc này ở Việt Nam. Tuy nhiên, hoàn cảnh ở Việt Nam hiện nay đã khác rất xa (nếu không muốn nói là tuyệt vời hơn nhiều lần) so với những năm cuối thập niên 80 của thế kỷ trước nên chắc chắn việc chống lạm phát ngày nay sẽ không khó về mặt "kỹ thuật", có chăng chỉ khó về "cơ chế".

Vậy giải pháp cụ thể nào để chống lạm phát trong tình huống hiện tại của Việt Nam. Khi mà thực trạng nền kinh tế nói chung và CSTT Việt Nam nói riêng đang đứng trước nhiều vấn đề đáng báo động, như là "đêm trước" của một cuộc suy thoái.

TÌNH HUỐNG CỦA VIỆT NAM

Lạm phát cao kỷ lục từ đầu thập niên 2000 đến nay (6,2% trong 7 tháng và 8,4% so cùng kỳ 2006); Trong 5 tháng còn lại, nếu không chống lạm phát quyết liệt thì mức lạm phát bình quân có thể lên tới 8,7% [(0,5x5) + 6,2 =8,7%]. Lãi suất thị trường đã "chạm" đến lợi nhuận bình quân của nền kinh tế. Tỷ giá dường như được các lực lượng thị trường "neo" vào đồng USD đang mất giá thảm hại so với nhiều đồng tiền khác, mà cán cân thương mại Việt Nam vẫn thâm thủng khá nặng nề. Dự trữ ngoại tệ (USD) tăng cao kỷ lục trong khi TTCK giảm mạnh đã phản ánh trên TTCK đang có sự dịch chuyển. TTCK đang "phục kích" chờ cơ hội hoặc trở về chỉ số thực sau khi đã "quá nóng" một thời, trong khi tiền "chờ cơ hội" lại là tiền nội địa.

Những động thái tăng lãi suất cũng như sự lên giá của nhiều đồng tiền trong khu vực và Châu Âu đang báo trước một kịch bản có thể làm "đảo chiều" dòng chảy vốn vào Việt Nam đã từng ngoạn mục hồi đầu năm mà nay đang "rút lui" một cách "có tính toán" trong thực tiễn.

Việc lẽ ra VND phải lên giá mạnh so với đồng USD vì tốc độ tăng dòng vốn vào Việt Nam từ đầu năm 2007 và các NHTM tại Việt Nam cũng đã tăng mạnh lãi suất để cạnh tranh, nhưng VND hiện tại thậm chí còn giảm giá danh nghĩa dù ở mức nhẹ so với USD (2,5% từ tháng 7-2005 đến tháng 7-2007 - 15.770đ/USD so với 16.165đ/USD). Chứng tỏ việc "chống giảm phát" ***đã quá liều đến mức lẽ ra VND lên giá lại hoá ra giảm giá - Giảm giá đến mức "bị phá giá"*** so với đồng USD mà chính nó đang ở thời kỳ yếu nhất trong vòng 3 năm qua so với các đồng tiền quan trọng khác trên thế. Lý do chính được nhận dạng ngay là tốc độ lạm phát của Việt Nam luôn luôn lớn gấp hơn 2 lần của Mỹ (hơn 7%/năm của Việt Nam so với 3,2%/năm của Mỹ bình quân trong hơn 2 năm qua).

Thâm thủng cán cân thương mại ở Việt Nam tính đến tháng 7-2007 đang ở mức khá cao (22%) rõ ràng không phải vì lý do VND "lên giá" mà có lẽ do các kỳ vọng đổ vốn vào Việt Nam giảm dần và chất lượng hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam vừa kém, vừa tương đồng chủng loại so với các nền kinh tế khu vực.

Tình hình sẽ phức tạp hơn nếu lạm phát ở Việt Nam vẫn cứ cao và cộng thêm "nhập khẩu" lạm phát từ nước ngoài (nếu hàng nhập khẩu đã bị cao giá lại phải cộng thêm thuế cao) sẽ dẫn đến làm mất lòng tin của người dân cũng như của các nhà đầu tư vào đồng nội tệ, gây nên vòng xoáy lạm phát. Tiền gửi tiết kiệm bằng VND của người dân có thể bị rút ra ồ ạt để mua ngoại tệ làm sụt giảm khả năng thanh toán của các ngân hàng.

GIẢI PHÁP SONG SONG

Trước tình hình vẫn còn kiểm

soát được nói trên, thiết nghĩ Việt Nam cần có 2 nhóm giải pháp vừa song song, vừa bao gồm hình thức triển khai giữa nhóm giải pháp **cấp tốc** với nhóm giải pháp **chiến lược. Cụ thể**

a/ Nhóm giải pháp cấp tốc:

Giải pháp cấp tốc hữu hiệu nhất là "***gọi tiền mặt VND từ trong lưu thông về NHTW***" (tôi xin được dùng cụm từ NHTW thay cụm từ NHNN) bằng "4 con đường" sau đây, gồm: NHTW bán ra một khối lượng đủ lớn (nếu có) số trái, tín phiếu Kho Bạc Nhà nước (chứ không phải tín phiếu của chính mình - NHNN) cho các NHTM mà trước đó NHTW đã cầm cố hoặc mua vào từ các NHTM để bơm tiền ra; NHTW bán ra từ từ lượng đủ cần thiết USD trong quĩ dự trữ điều hoà lưu thông tiền tệ (không phải là ngoại tệ dự trữ của Nhà nước gửi tại NHTW ***và tốt nhất là Chính phủ phát hành trái phiếu ngoại tệ trong nước để chuyển sang đầu tư hạ tầng sẽ nói sau***), đồng thời hoán đổi để có tỷ lệ cao hơn cho dự trữ các đồng ngoại tệ khác ngoài đồng USD nhằm cải thiện cơ cấu dự trữ ngoại tệ trong tài sản có của NHTW và giảm lỗ cho Quĩ này; NHTW tiếp tục tăng nhẹ và tăng từ từ tỷ lệ DTBB, nhất là đối với các loại tiền gửi ngắn hạn tại các NHTM, đồng thời tính đến cả giải pháp ***buộc các Định chế tài chính (ĐCTC) huy động vốn bằng hình thức phát hành các chứng khoán nợ như: Trái phiếu, Kỳ phiếu... (bao gồm cả Ngân hàng Phát triển Việt Nam) cũng phải trích nộp DTBB*** với một tỷ lệ thích hợp để NHTW kiểm soát hệ số quay vòng tiền tệ trong lưu thông; NHTW tiếp tục tăng lãi suất chiết khấu, tái chiết khấu để "phanh" việc bơm tiền vào lưu thông (***riêng lãi suất thị trường tín dụng với nền kinh tế thì đã quá cao rồi và là "việc" của các NHTM***).

NHTW phải "mở chiến dịch" chống Đôla hóa quyết liệt bằng các giải pháp khác nhau. Trong đó, chúng ta tiên quyết giới hạn đến mức thấp nhất việc nhận tiền gửi ngoại tệ của các ĐCTC, không cho phép các NHTM, các ĐCTC cấp tín dụng ngắn hạn bằng ngoại tệ, đồng thời kiểm soát chặt chẽ hạn mức tín dụng ngoại tệ dài hạn. Ngoài ra, chúng ta chuyển hầu hết các nhu cầu ngoại tệ thanh toán nhập khẩu sang quan hệ mua - bán ngoại tệ đồng thời khuyến khích phát triển thị trường mua, bán ngoại tệ cùng các nghiệp vụ phái sinh từ thị trường này. Mọi nhu cầu thanh toán nội địa của các Pháp nhân (đặc biệt là khu vực NSNN) có tài khoản ngoại tệ tại NHVN nói chung phải "rút ra" bằng nội tệ theo tỷ giá thị trường thời điểm rút tiền và NHTM thực hiện thanh toán bù trừ không dùng tiền mặt trong các quan hệ giữa Pháp nhân với Pháp nhân. Cuối cùng, chúng ta kiểm soát chặt chẽ và buộc các nhà đầu tư vào TTCK VN phải thanh toán việc mua chứng khoán bằng VND. Tóm lại, lúc này phải là cơ hội tốt để thực hiện ngày càng triệt để nguyên tắc dĩ bất biến là "trên đất Việt Nam chỉ tiêu tiền Việt Nam".

Đối với khu vực thương mại, trên thị trường hàng hoá, dịch vụ. Đây là khu vực đã và đang được Chính phủ chỉ đạo ráo riết hơn nhiều so với khu vực thị trường tài chính. Theo đó, hàng loạt biện pháp đã và đang triển khai như: giảm khá mạnh mức thuế đánh vào hàng tiêu dùng và hàng nguyên liệu nhạy cảm nhập khẩu vào Việt Nam với một danh mục khá dài gồm 18 nhóm mặt hàng, chấp nhận một tỷ lệ nhập siêu cao hơn mức đang xác lập (tuy đã cao, nhưng chưa chạm vạch báo động đỏ được thừa nhận phổ biến trên thế giới là 40%); Hoãn, dãn tiến độ và "kế hoạch" tăng giá loại hàng đặc biệt thiết yếu do Nhà nước quản lý hoặc chỉ đạo như: than, thép, điện sinh hoạt, xăng, dầu chạy máy, cước vận tải v.v... Tôi hoàn toàn đồng tình cao với các giải pháp tăng năng lực cung nói trên. Tuy nhiên cũng cần tính toán, bổ sung thêm một số giải pháp cấp bách mang tính mùa vụ khác. Trước mắt, "mùa tựu trường" của hơn 20 triệu học sinh, sinh viên đang đè nặng lên các bậc phụ huynh nỗi lo về sức ép tăng giá đồ dùng học tập và các loại phí, quĩ. Hàng năm, các loại hàng hoá nhóm này luôn tăng giá cao hơn mức giá trung bình từ 2 đến 3% và tham gia đẩy tốc độ gia tăng chỉ số giá chung lên khá mạnh. Việt Nam cũng đang chứng kiến những thiên tai, ngoài những thiệt hại vật chất, tinh thần rất lớn thì cơ cấu và số lượng cung ứng hàng tiêu dùng cũng bị đảo lộn theo hướng khan hiếm cục bộ gây tăng giá những mặt hàng thiết yếu... Vì vậy, ngoài những giải pháp kinh tế về giảm thuế, giảm phí, tăng cung, cần phải có những giải pháp hành chính đi kèm thông qua tổ chức thanh tra, giám sát hiệu ứng của các nỗ lực tiết giảm của Nhà nước sao cho hầu hết mức tiết giảm phải rơi vào giá bán lẻ cho người tiêu dùng cuối cùng, chứ không phải chỉ rơi và dừng lại ở giá bán buôn cho nhà cung ứng hay nhà phân phối ở các cấp giá trung gian.

Ngoài ra, cần rà soát lại hệ thống các kênh phân phối hàng hoá tiêu dùng cả nước để điều chỉnh hệ thống các thị trường cung ứng hàng hoá thông suốt. Cơ quan giám sát, tổ chức các hoạt động nói trên trước hết là hệ thống thanh tra giá của Bộ Công Thương cần tính toán, lập danh mục chi tiết các mặt hàng được giảm thuế, giảm phí hay hoãn, dãn thời hạn tăng giá v.v... để công bố trên mọi phương tiện thông tin đại chúng. Đồng thời, lập hệ thống đường dây nóng để nắm thông tin phản hồi, có chế tài đủ mạnh bảo vệ hiệu lực các giải pháp của Nhà nước để đảm bảo cho người tiêu dùng thực sự được hưởng các mức giá được giảm đó. Hệ thống chính quyền các cấp cần có chỉ đạo cụ thể và phân công cán bộ trực tiếp phối hợp với các lực lượng thị trường để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương.

b/ Nhóm giải pháp chiến lược:

1. Đối với khu vực thị trường tài chính (TTTC):

Trước hết, đối với khu vực Ngân hàng, Nhà nước đã cho phép nhưng tôi cho rằng chưa đủ, chúng ta cần gây sức ép đồng thời thể hiện rõ quyết tâm chính trị

trong việc "cởi trói" thực sự cho NHNN hiện nay sớm trở thành NHTW đích thực của một nền kinh tế thị trường. Nội dung cởi trói bao gồm: Nhanh chóng thay 2 Luật hiện hành bằng 2 Luật mới. Trong đó, đối với Luật NHNN phải trở thành Luật NHTW, làm cho NHTW Việt Nam phải thực sự là một NHTW có vị thế quyền lực và trách nhiệm giải trình mới: Trực thuộc Quốc hội và chịu trách nhiệm pháp lý trước Nhà nước, người dân về sự ổn định sức mua của đồng nội tệ thông qua ổn định giá ca. Chúng ta cần tiến hành cải cách và tăng cường các công cụ gián tiếp trong nghiệp vụ cung ứng tiền, cải cách căn bản hệ thống thanh toán theo hướng nhất thể hoá mạng thanh toán cục bộ thành mạng thanh toán quốc gia thống nhất giữa ngân hàng - ngân hàng và giữa ngân hàng với nền kinh tế nhằm kiểm soát lưu chuyển tiền tệ, giảm mạnh tỷ lệ tiền mặt trong tổng phương tiện thanh toán (M2). Ngoài ra, Chính phủ nên chống Đôla hoá triệt để bằng cả giải pháp thị trường kết hợp với các giải pháp hành chính. Đối với Luật các TCTD, cần phải sửa thành Luật hoạt động Ngân hàng Việt Nam, hoặc đơn giản là Luật Ngân hàng Việt Nam với trọng tâm buộc mọi loại ĐCTC có hoạt động Ngân hàng (gồm cả Kho bạc Nhà nước, NHCSXH, NHPT VN, các ĐCTC phi NH khác) phải mở tài khoản thanh toán tại NHTW (qua hệ thống thanh toán quốc gia) và chịu sự điều chỉnh thống nhất bởi các Luật ngân hàng, cũng như chịu sự thanh tra – giám sát của cơ quan thanh tra Nhà nước chuyên ngành về Ngân hàng trực thuộc NHTW theo cơ chế chung của Uỷ Ban giám sát tài chính của Nhà nước sẽ được thành lập theo tinh thần của QĐ 112 TTg ngày 24/5/2006 của Thủ Tướng Chính phủ về phê chuẩn chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam.

Đối với khu vực thị trường vốn, Bộ Tài chính cần tham mưu cho Chính Phủ tăng cường phát hành các loại trái phiếu, tín phiếu với nhiều loại kỳ hạn, chú trọng loại trái phiếu dài hạn trên 10 năm đến 30 năm. Bộ Tài chính cũng nên có lộ trình chi tiết cho việc cổ phần hóa (CPH) các NHTM NN và DNNN theo hướng không ồ ạt cùng một thời điểm, nhưng cần liên tục và không kéo dài khoảng cách giữa các lần CPH các đơn vị kinh tế Nhà nước nhằm ổn định cho TTCK Việt Nam, cũng như tạo điều kiện pháp lý để TTTC được vận động theo các qui luật khách quan của thị trường vốn. Vấn đề siết chặt hoạt động thanh tra tài chính chuyên ngành đối với các hoạt động trên TTCK tập trung và phi tập trung, buộc các giao dịch chứng khoán của thị trường OTC phải diễn ra tại các quầy giao dịch của các công ty chứng khoán, sớm chấm dứt loại TTCK tự do hoặc mọi loại chứng khoán chưa được phép giao dịch và chưa có sự kiểm soát của các cơ quan Pháp luật về chứng khoán.

2. Đối với khu vực sản xuất, lưu thông hàng hoá, dịch vụ:

Ngoài việc củng cố chức năng, vai trò các Hiệp Hội ngành nghề, Nhà nước cần hướng dẫn việc ra đời các cấp Hiệp Hội hoặc Hội bảo vệ người tiêu dùng về giá cả và chất lượng hàng hoá, dịch vụ. Chính Phủ cần tiếp tục chỉ đạo và giám sát phát triển đồng bộ 8 vùng kinh tế cả nước để phát huy lợi thế mỗi vùng, tạo nên phân công lao động hợp lý trong toàn xã hội. Nhà nước cũng cần cho phép và chỉ đạo Bộ Công Thương tổ chức lại và tăng cường năng lực chuyên môn cho cơ quan Thanh tra – Giám sát Nhà nước chuyên ngành về sản xuất, lưu thông hàng hoá dịch vụ trực thuộc Bộ Công Thương cũng như cho phép mở rộng "room" hạn điền đối với nông dân 2 vùng ĐBSH và Sông Cửu Long để phát triển 2 vùng hàng hoá nông sản chủ lực qua chế biến làm nòng cốt cho công cuộc công nghiệp hoá nông thôn. Nhà nước cần cho phép và khuyến khích phát triển mô hình "đại trang trại" ở vùng núi cao, Tây nguyên và mô hình trang trại nhỏ hơn ở vùng đệm cũng như các tỉnh vùng thấp. Vấn đề phát triển mạnh gọi vốn đầu tư vào khu vực kết cấu hạ tầng, đảm bảo theo hướng: Đường quốc lộ "không có ngã tư"; Thành phố lớn phải có đường tàu điện ngầm và tàu điện nổi; Các công sở phải được hiện đại hoá cả về độ tiện ích, độ tập trung cũng như về hình thức kiểu dáng để xứng tầm với một nền kinh tế "cơ bản là công nghiệp" vào năm 2020 như quyết tâm của Đảng đã được ghi vào Nghị Quyết.

Tóm lại, để chống lạm phát "cấp tốc" và chống lạm phát mang tính chiến lược lâu dài đều cần đến nhiều giải pháp đồng bộ tác động vào 2 khu vực: Khu vực tiền tệ và khu vực sản xuất, lưu thông hàng hoá dịch vụ. Trong đó, khu vực tiền tệ là quan trọng nhất (***nếu tốc độ tăng M2 không lớn hơn tốc độ tăng tổng giá trị lưu chuyển hàng hoá bán lẻ thì một bộ phận hàng này tăng giá, ắt sẽ có một bộ phận hàng hoá, dịch vụ khác giảm giá và lạm phát sẽ không xảy ra ở mức cao ngoài khả năng kiểm soát***). Đặc biệt, đây là khu vực chủ yếu tạo ra "lạm phát cầu kéo", có thể có nhiều biện pháp mang tính quyết định, độ trễ không dài và hiệu quả cao, ***nhưng đòi hỏi phải có một NHTW đủ mạnh và một quyết tâm chính trị lớn để thực hiện mục tiêu số 1 của CSTT là "ổn định giá cả", tiến tới CSTT lạm phát mục tiêu giống như chế tài của ECB.*** Quan điểm này nếu được coi là giải pháp chiến lược thường trực thì sẽ bảo đảm cho tăng trưởng bền vững hơn, niềm tin của công chúng sẽ cao hơn. Lạm phát nếu có xuất phát từ khu vực sản xuất, lưu thông hàng hoá thì thông thường luôn mang tính đột biến và cục bộ. Các tác động tới khu vực này chủ yếu là tăng hàng hoá, tăng năng suất lao động và các biện pháp can thiệp hành chính của Nhà nước nhưng độ trễ thường rất cao và ít hiệu quả hơn so với các tác động vào khu vực tiền tệ khi phải chống lạm phát. ***Chính vì vậy, vấn đề của giá cả suy cho cùng vẫn là quan hệ "hàng –tiền"***, trong đó ***khu vực tiền tệ bao giờ cũng đóng vai trò chủ đạo và mang tính quyết định nhất*** ■